



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~211~~ TBHH-TCBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ~~22~~ tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật vùng nước trước cầu cảng, bến phao
và vùng quay trở tàu Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

TVH – 30 – 2024

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Định An - Sông Hậu.

Căn cứ Đơn đề nghị số 957/NMNDDSH1-KTATMT nhận ngày 15/8/2024 của Chi nhánh phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải độ sâu vùng nước trước cầu cảng, bến phao và vùng quay trở tàu Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu vùng nước trước cầu cảng, bến phao và vùng quay trở tàu Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 như sau:

1. Khu nước trước các bến cảng:

1.1. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến cảng than, bến nhập đá vôi, bến xuất thạch cao, bến kết hợp xuất tro xỉ, bến nhập thiết bị, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN7	09°57'17,6"N	105°52'00,2"E	09°57'13,9"N	105°52'06,6"E
KN8	09°57'31,2"N	105°51'43,9"E	09°57'27,6"N	105°51'50,3"E
KN9	09°57'32,7"N	105°51'45,2"E	09°57'29,1"N	105°51'51,6"E
KN10	09°57'19,1"N	105°52'01,5"E	09°57'15,4"N	105°52'07,9"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,7 m.

1.2. Trong phạm vi khảo sát khu nước tiếp giáp với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN9	09°57'32,7"N	105°51'45,2"E	09°57'29,1"N	105°51'51,6"E
KN10	09°57'19,1"N	105°52'01,5"E	09°57'15,4"N	105°52'07,9"E
KN11	09°57'22,8"N	105°52'12,0"E	09°57'19,2"N	105°52'18,4"E
KN12	09°57'42,1"N	105°51'46,9"E	09°57'38,2"N	105°51'53,3"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt 12,8 m.

2. Khu nước trước cảng tàu dầu:

2.1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cảng tàu dầu, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN1	09 ⁰ 57’11,4”N	105 ⁰ 52’07,6”E	09 ⁰ 57’07,8”N	105 ⁰ 52’14,0”E
KN2	09 ⁰ 57’14,0”N	105 ⁰ 52’04,5”E	09 ⁰ 57’10,4”N	105 ⁰ 52’10,9”E
KN3	09 ⁰ 57’15,5”N	105 ⁰ 52’05,8”E	09 ⁰ 57’11,8”N	105 ⁰ 52’12,2”E
KN4	09 ⁰ 57’12,9”N	105 ⁰ 52’08,9”E	09 ⁰ 57’09,2”N	105 ⁰ 52’15,3”E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt 9,0 m.

2.2. Trong phạm vi khảo sát khu nước tiếp giáp với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN3	09 ⁰ 57’15,5”N	105 ⁰ 52’05,8”E	09 ⁰ 57’11,8”N	105 ⁰ 52’12,2”E
KN4	09 ⁰ 57’12,9”N	105 ⁰ 52’08,9”E	09 ⁰ 57’09,2”N	105 ⁰ 52’15,3”E
KN5	09 ⁰ 57’16,8”N	105 ⁰ 52’19,8”E	09 ⁰ 57’13,2”N	105 ⁰ 52’26,2”E
KN6	09 ⁰ 57’26,1”N	105 ⁰ 52’07,7”E	09 ⁰ 57’22,5”N	105 ⁰ 52’14,1”E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt 11,6 m.

3. Khu nước bến phao neo 10.000 DWT:

3.1. Trong phạm vi khảo sát khu nước neo đậu tàu bến phao 10.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN13	09 ⁰ 58’00,8”N	105 ⁰ 51’57,0”E	09 ⁰ 57’57,2”N	105 ⁰ 52’03,4”E
KN14	09 ⁰ 57’57,0”N	105 ⁰ 52’01,5”E	09 ⁰ 57’53,4”N	105 ⁰ 52’08,0”E
KN15	09 ⁰ 57’55,5”N	105 ⁰ 52’00,2”E	09 ⁰ 57’51,9”N	105 ⁰ 52’06,7”E
KN16	09 ⁰ 57’59,3”N	105 ⁰ 51’55,7”E	09 ⁰ 57’55,7”N	105 ⁰ 52’02,1”E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt 9,0 m.

3.2. Trong phạm vi khảo sát khu nước tiếp giáp với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu, được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN15	09 ⁰ 57’55,5”N	105 ⁰ 52’00,2”E	9 ⁰ 57’51,9”N	105 ⁰ 52’06,7”E

KN16	09°57'59,3"N	105°51'55,7"E	9°57'55,7"N	105°52'02,1"E
KN17	09°57'54,3"N	105°51'41,7"E	9°57'50,7"N	105°51'48,1"E
KN18	09°57'42,0"N	105°51'57,8"E	9°57'38,3"N	105°52'04,2"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 10,0 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước vùng quay tàu, tâm VQ tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
VQ	09°57'33,8"N	105°51'53,5"E	09°57'30,2"N	105°51'59,9"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 15,1 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Chi nhánh phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ⁽¹⁾.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu từ NĐSH1_2408_01 đến NĐSH1_2408_03 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Dat}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



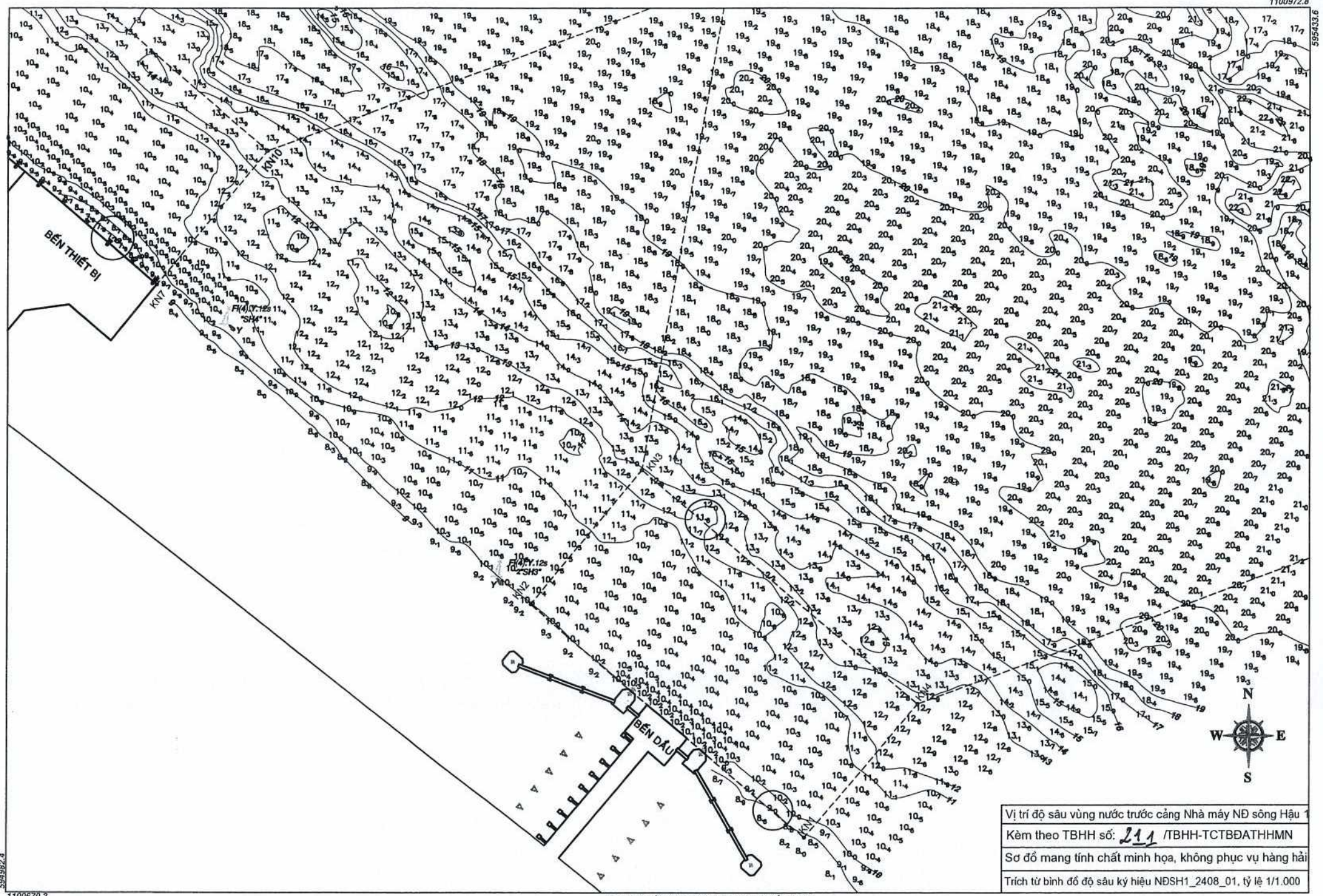
Phạm Tuấn Anh

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa KV III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty Vận Tải & Cung ứng X.Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh
- 17 Phòng CSGT đường thủy Trà Vinh
- 18 Sở GTVT và Sở NN&PTNT tỉnh Trà Vinh
- 19 Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh
- 20 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 21 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 22 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 24 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 25 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 26 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 27 Chi nhánh phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

113
NG
BÀ
HÀ
IN
BÀ



Vị trí độ sâu vùng nước trước cảng Nhà máy NG sông Hậu 1
Kèm theo TBHH số: 211 /TBHH-TCTĐBATHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu NGSH1_2408_01, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trục 105 độ, mũi chiếu 3 độ

